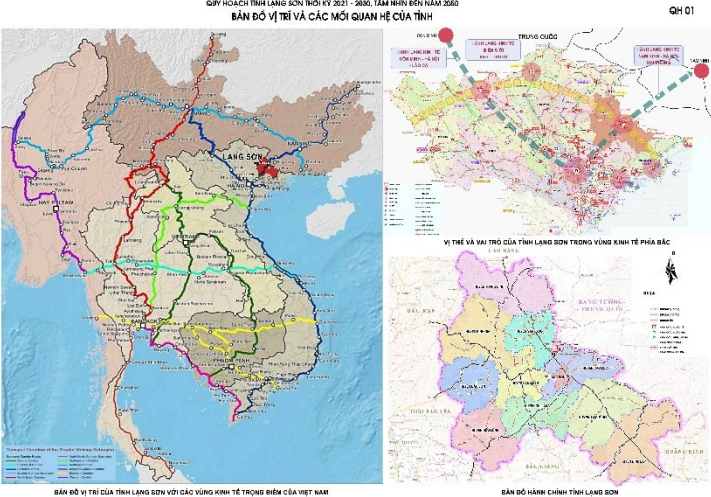


MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

THÔNG TIN TỔNG QUAN	
Diện tích và dân số	▪ Diện tích: 8.310 km² ▪ Dân số: 802.090 Triệu (Số liệu 2022)
Vị trí địa lý	▪ Lạng Sơn là tỉnh miền núi, nằm ở phía Đông Bắc của Việt Nam ▪ Lạng Sơn cách thủ đô Hà Nội 154 km đường bộ và 165 km đường sắt. ▪ Có đường biên giới dài trên 231 km, có 02 cửa khẩu quốc tế, 01 cửa khẩu chính và 09 cửa khẩu phụ, lối mở.
Các tỉnh lân cận theo bốn hướng	▪ Phía bắc giáp tỉnh Cao Bằng ▪ Phía đông giáp tỉnh Quảng Ninh và thành phố Sùng Tả (Quảng Tây, Trung Quốc) ▪ Phía nam giáp tỉnh Bắc Giang ▪ Phía tây giáp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.
Tỉ lệ GRDP	Số liệu năm 2022: ▪ Chỉ số GRDP: 22.683 Tỷ VND ▪ GRDP Tăng: 7,22% ▪ GRDP trên đầu người: 51,72 triệu đồng/người ▪ Cơ cấu kinh tế: - Công nghiệp – Xây dựng: 24,40%; - Nông nghiệp: 21,10%; - Dịch vụ: 49,98%; - Thuế sản phẩm: 4,53%
Mức độ phát triển công nghiệp	Số liệu năm 2022: ▪ Công nghiệp chế biến, chế tạo: 10,25% ▪ Tổng kim ngạch hàng hóa XNK qua địa bàn tỉnh Lạng Sơn đạt 23.849 triệu USD ▪ Dịch vụ tăng: 12,49%
PCI	▪ Theo công bố của VCCI, với điểm tổng hợp đạt 67,88 điểm, tỉnh Lạng Sơn xếp thứ 15/63 tỉnh, thành trong cả nước, tăng 21 bậc so với năm 2021; xếp thứ 5/14 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc (2022).
CƠ SỞ HẠ TẦNG	
Hệ thống giao thông	▪ Các đường chính: Các tuyến giao thông huyết mạch chạy qua tỉnh như Quốc lộ 1A (Hữu Nghị - Hà Nội: 150km), Quốc lộ 4A (Đồng Đăng – Cao Bằng: 118km), Quốc lộ 4B (Lạng Sơn – Cảng Mũi Chùa, Quảng Ninh: 114km), Quốc lộ 1B (Lạng Sơn – Thái Nguyên: 160km). ▪ Đường sắt: Đường sắt liên vận Hà Nội – Lạng Sơn – Trung Quốc.

	▪ Đường thủy: Cách cảng Mũi Chùa - Quảng Ninh 114km, cách cảng Đình Vũ – Hải Phòng 220km. ▪ Đường hàng không: Cách sân bay Quốc tế Nội Bài 152km, cách sân bay Vân Đồn 135,2km.
Hệ thống điện	Toàn tỉnh đã có 4 trạm biến áp 110kV, hệ thống đường dây tải điện tương đối hoàn chỉnh có thể cung cấp đủ cho tiêu dùng và sản xuất, hiện nay đã có 100% số xã đang sử dụng điện lưới quốc gia.
Hệ thống dẫn nước và số liệu về chất lượng nguồn nước	Toàn tỉnh có hệ thống cấp nước sạch với tổng công suất 50.020m ³ /ngày đêm, cơ bản có thể đáp ứng đầy đủ nguồn nước sạch cho khu vực dân cư và một phần nhu cầu nước sạch cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố và khu vực lân cận.
Giáo dục	▪ Trường mầm non: 232 ▪ Trường tiểu học: 180 ▪ Trường THCS: 141 ▪ Trường tiểu học và THCS: 72 ▪ Trường THPT: 26 ▪ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX: 09 ▪ Trung tâm GDTX: 01 ▪ Trung tâm GDTX Tin học và Ngoại ngữ: 01 ▪ Trường chuyên nghiệp: 01 ▪ Trường cao đẳng: 04
Viễn thông	▪ Gồm 4 nhà mạng di động và 240 điểm phục vụ bưu chính, 2210 trạm BTS.
ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ	
Nhân lực	▪ 515.324 người ở độ tuổi lao động (2022)
Mức độ chuyên môn hóa	▪ Tỷ lệ số người được đào tạo chuyên môn: 50% (2022)
Lương	▪ Vùng III: Lương tối thiểu theo tháng là 3.640.000 đồng, lương tối thiểu theo giờ là 17.500 đồng. Áp dụng đối với: Thành phố Lạng Sơn. ▪ Vùng IV: Lương tối thiểu theo tháng là 3.250.000 đồng, lương tối thiểu theo giờ là 15.600 đồng. Áp dụng đối với: Các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc, Chi Lăng, Đình Lập, Hữu Lũng, Lộc Bình, Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan. ▪ Mức lương trả cho người lao động đã qua học nghề hoặc đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% mức lương tối thiểu vùng tương ứng.
Ưu đãi đầu tư	▪ Ưu đãi theo quyết định của chính phủ - Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước - Ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

	- Miễn thuế nhập khẩu ▪ Ưu đãi theo quyết định của tỉnh Chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 07/07/2022 (File đính kèm).
Lĩnh vực thu hút đầu tư	Lĩnh vực được tỉnh chú trọng Tập chung vào 04 trụ cột kinh tế theo cơ cấu: - Nông – lâm nghiệp - Phát triển công nghiệp - Phát triển du lịch – dịch vụ - Phát triển kinh tế cửa khẩu
Bản đồ	 The maps illustrate the geographical context and administrative structure of Lạng Sơn province. The top-left map shows the province's location within Vietnam, bordered by China to the north and other provinces to the west and south. The top-right map shows the province's administrative divisions, including districts and cities. The bottom map shows the province's location within the northern region of Vietnam, highlighting its role as a gateway to the north.
Thông tin Liên hệ	Trung tâm xúc tiến đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư ▪ Địa chỉ: Số 2 Hoàng Văn Thụ - Phường Chi Lăng Thành Phố Lạng Sơn ▪ Tel: 025.3816.815 ▪ Email: ttxtdtls@gmail.com

DANH SÁCH KHU CÔNG NGHIỆP TẠI LẠNG SƠN

SỐ	TÊN KHU CÔNG NGHIỆP	TỔNG DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ KHÔNG GIAN SỬ DỤNG	TRẠNG THÁI
1	Khu công nghiệp Đồng Bành	162,13	90%	Đang triển khai

BẢN ĐỒ KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG BÀNH



KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG BÀNH

THÔNG TIN TỔNG QUAN		
Địa chỉ	Xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng và thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	
Nhà đầu tư	Ban Quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn ▪ Địa chỉ: đường Lý Thái Tổ, Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn ▪ Tel: 0205 3875 708 ▪ Email: banqlktck@langson.gov.vn ▪ Website: https://banqlktck.langson.gov.vn/	
Đặc điểm địa lý	Các khu vực xung quanh - Cách tỉnh: thành phố Hà Nội 180 km, thành phố Lạng Sơn 34 km - Cách sân bay: sân bay Nội Bài 186 km - Cách cảng: cảng Cái Lân 142 km	
Lĩnh vực đầu tư	Lĩnh vực khuyến khích đầu tư:	Các nhà máy bố trí trong KCN đều thuộc các ngành Công nghiệp được khuyến khích đầu tư vào các KCN theo thông tư số 08/TT-KHĐT ngày 29/7/1997 của Bộ Công nghiệp, bao gồm các ngành chính sau đây: + Nhóm ngành nghề lắp ráp cơ khí, chế tạo phụ tùng; + Nhóm ngành công nghiệp sản xuất chi tiết nhựa chất lượng cao; + Nhóm ngành nghề sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử, mạch điện tử; + Nhóm ngành nghề sản xuất chế biến khuôn mẫu chi tiết cơ khí tiêu chuẩn kỹ thuật cao; + Các ngành dịch vụ công nghiệp khác.
	Lĩnh vực hạn chế đầu tư:	Không có
Mức lương tối thiểu	Vùng IV: Mức lương vùng tối thiểu theo Nghị định số 38/2022/ND-CP	
Thời hạn cho thuê	Thời hạn cho thuê: 50 năm	
Diện tích cho thuê tối thiểu	Diện tích cho thuê tối thiểu: Không có	
Giới hạn chiều cao xây dựng	Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD)	
Tỷ lệ xây dựng cho phép		
Khu vực được quy hoạch	▪ Tổng diện tích: 162,13 ha ▪ Diện tích có thể xây dựng nhà máy, kho tàng: 110,97 ha	
Nhà xưởng có thể cho thuê	▪ Tổng diện tích nhà xưởng có thể cho thuê: Chưa có	
Trạng thái triển khai	Đang xây dựng cơ sở hạ tầng	

Tỷ lệ lấp đầy và số lượng dự án trong khu	- Tỷ lệ lấp đầy: 33,61 ha (tương đương 20,73%) - Số lượng dự án trong khu: 2 dự án
Số lượng dự án Hàn Quốc trong khu	Số lượng dự án Hàn Quốc trong khu: Không có
Chi phí cho thuê	- Chi phí thuê đất: 20-30 USD - Chi phí thuê xưởng: 2 USD
Chi phí triển khai	- Chi phí quản lý: 0.2USD/m2 - Chi phí điện: - Giờ cao điểm: 0.1 USD - Bình thường: 0.05 USD - Giờ thấp điểm: 0.03 USD - Chi phí nước: 0.4 USD/m3 - Phí xử lý nước thải: 0.3 USD/m3
CƠ SỞ HẠ TẦNG	
Khu đất sản xuất công nghiệp bao gồm: + Xây dựng các khu nhà máy, xí nghiệp sản xuất; + Xây dựng kho tàng bến bãi; Khu đất hành chính dịch vụ khu công nghiệp bao gồm: + Nhà điều hành, quản lý khu công nghiệp; + Văn phòng giao dịch tài chính ngân hàng; + Trung tâm giới thiệu sản phẩm; + Đồn công an; + Đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành khu công nghiệp; Khu công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: + Trạm cấp nước; + Trạm xử lý nước thải; + Trạm điện 110KV; + Bãi đỗ xe; Khu đất cây xanh, mặt nước bao gồm: + Đất cảnh quan; + Đất cây xanh cách lý; + Mặt nước trong khu công nghiệp;	

Danh sách các doanh nghiệp trong khu

[STT]	[Tên dự án/ Tên nhà đầu tư]	[Quốc gia]	[Ngành nghề kinh doanh]
1	NHÀ MÁY XI MĂNG ĐỒNG BÀNH	Việt Nam	Sản xuất xi - măng
2	CÔNG TY CP BÊ TÔNG LẠNG SƠN	Việt Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi - măng và thạch cao